

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 2174/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Anh **Đinh Văn T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Chị **Nguyễn Thị Thanh T1**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Tổ D, khu phố E, phường F, thành phố G, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh T và chị T1 xác định có 02 con chung là các cháu Đinh Nguyễn Quyền A, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2014 và cháu Đinh Nguyễn Anh T2, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2018. Khi ly hôn, thống nhất thỏa thuận giao cả 02 con chung cho chị T1 nuôi dưỡng, chăm

sóc, giáo dục và anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000 đồng/tháng (mỗi con 1.000.000 đồng/tháng).

[3] Về tài sản chung: Anh T và chị T1 xác định không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Anh T và chị T1 xác định không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị T1 nộp theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là các cháu Đinh Nguyễn Quyền A, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2014 và cháu Đinh Nguyễn Anh T2, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2018. Khi ly hôn, thống nhất thỏa thuận giao cả 02 con chung cho chị T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000 đồng/tháng (mỗi con 1.000.000 đồng/tháng).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về cấp dưỡng thì kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Anh T và chị T1 xác định không có nên không đặt ra

xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T và chị T1 xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003714 ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Anh T và chị T1 đã nộp xong.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các điều 7, 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Nơi ĐKKH (UBND X. Đ - Giấy CNKH số 41/2017);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Vũ Bảo